TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 176/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24 -12-2024
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Thu TrAg

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Nam
2. Bà Mai Thị Nhặc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên TrAg – Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Ngày 24 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 446/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2024 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 416/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số: 427/2024/QĐST-HNGĐ ngày ngày 17 tháng 12 năm 2024 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Đặng Kim L**, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Ấp H, xã K, huyện M, tỉnh B. (vắng mặt)

2. Bị đơn: Ah **Tạ Nhựt A,** sinh năm 1977. Nơi cư trú: Ấp H, xã K, huyện M, tỉnh B. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện chị Đặng Kim L trình bày:

Chị L và Ah A tìm hiểu và tự nguyên tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy bA nhân dân xã xã K, huyện M, tỉnh B, được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/02/2006. Sau khi thành hôn vợ chồng sống cùng cha mẹ ruột của chị L ở ấp P, xã K, huyện M, tỉnh B. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 11/2023 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quA điểm sống, cả hai không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống nên đã ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời giA ly thân, Ah chị cũng đã cố gắng để hàn gắn tình cảm nhưng không thành, gia đình hai bên cũng khuyên bảo, tạo điều kiện cho Ah chị hàn gắn tình cảm nhưng nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L xin ly hôn với Ah A

Về con chung: Có hai con chung tên là Tạ Nhật T, sinh ngày 01/01/1999 và Tạ Nhật Mỹ Duyên, sinh ngày 29/8/2000, các con đã trưởng thành, có thể tự lập nên chị L không yêu cầu giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Tạ Nhựt A vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa, Ah A không gửi văn bản trình bày ý kiến về những nội dung có liên quA đến yêu cầu khởi kiện của chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị Đặng Kim L đối với Ah Tạ Nhựt A thì vụ án có quA hệ trAh chấp là "Ly hôn". QuA hệ pháp luật trAh chấp nêu trên được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Ah Tạ Nhựt A có nơi cư trú tại xã K, huyện M, tỉnh B. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre thụ lý đúng thẩm quyền.

[1.3] Chị Đặng Kim L có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, Ah Tạ Nhựt A đã được tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vẫn vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L và Ah A theo quy định tại các Điều 207, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung trAh chấp:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Đặng Kim L và Ah Tạ Nhựt A tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy bA nhân dân xã K, huyện M, tỉnh B nên được xem là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

[2.2] Chị L cho rằng hôn nhân giữa chị và Ah A không hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với Ah A. Theo chị L trình bày thì nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quA điểm sống, cả hai không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống nên đã ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời giA ly thân Ah chị cũng đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không thành, gia đình hai bên cũng tạo điều kiện cho Ah chị hàn gắn tình cảm nhưng thể hàn đoàn tụ được. Quá trình Tòa án giải quyết thì Ah A không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về hôn nhân giữa chị L và Ah A và cũng không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhằm mục đích hàn gắn đoàn tụ. Từ đó cho thấy quA hệ hôn nhân giữa chị L và Ah A đã đến mức trầm trọng, không thể tiếp tục cuộc sống chung của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với Ah A là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về con chung: Có hai con chung tên là Tạ Nhật T, sinh ngày 01/01/1999 và Tạ Nhật Mỹ Duyên, sinh ngày 29/8/2000, chị L trình bày hiện các con đã trưởng thành, có thể tự lập nên chị L không yêu cầu giải quyết về con chung, A vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để thể hiện ý kiến của Ah A về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L trình bày không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và trình bày không có nợ chung; Ah A vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để thể hiện ý kiến của Ah A về việc yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Chị L là người khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, 227, 228, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy bA Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Kim L, cụ thể:

1. Về hôn nhân: Chị Đặng Kim L được ly hôn với Ah Tạ Nhựt A.

2. Về con chung: Có hai con chung tên là Tạ Nhật T, sinh ngày 01/01/1999 và Tạ Nhật Mỹ Duyên, sinh ngày 29/8/2000, các con đã trưởng thành, chị Đặng Kim L và Ah Tạ Nhựt A không có yêu cầu giải quyết về con chung nên không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Đặng Kim L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số tòa án số 0003823 ngày 09/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre là đủ.

6. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi cư trú.

" Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự (2b) ;
- TAD tỉnh Bến Tre (1b) ;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- UBND xã Tân Trung (1b) ;
- Lưu HS, VP (3b) TC:9b .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thu TrAg

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**